BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 12/08/2021

11/08/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,357.79	-0.34%	1,487.91	-0.43%	334.44	-0.19%
Tổng KLGD (tr. cp)	**804.77**	**12.76%**	**252.42**	**28.55%**	**149.23**	**-8.36%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**770.57**	**13.66%**	**245.34**	**32.34%**	**147.93**	**-8.45%**
TB 20 phiên (tr. cp)	554.09	39.07%	195.98	25.19%	105.24	40.56%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**26,140.22**	**15.04%**	**12,833.61**	**21.39%**	**3,448.21**	**-12.42%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**24,608.51**	**16.91%**	**12,139.45**	**26.88%**	**3,417.24**	**-12.67%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	17,446.69	41.05%	9,333.05	30.07%	2,493.02	37.07%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	182	43%	9	30%	138	38%
Số mã giảm	205	48%	18	60%	77	21%
Số mã đứng giá	36	9%	3	10%	153	42%

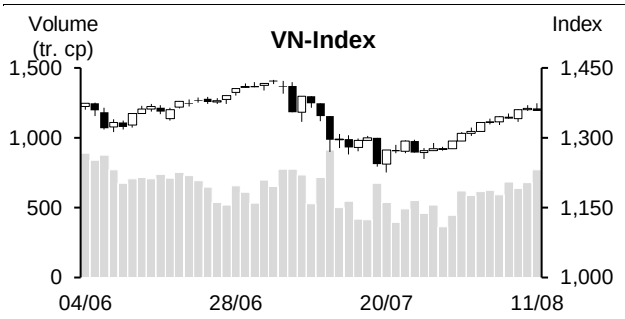

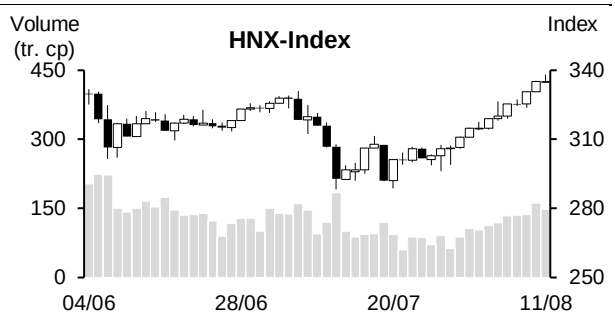

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Mặc dù duy trì đà tăng điểm trong phần lớn của phiên giao dịch, thị trường lại bất ngờ đảo chiều sang sắc đỏ với các chỉ số chính đều đóng cửa ở mức thấp nhất phiên cùng với thanh khoản tăng vọt cho thấy áp lực bán đang quay trở lại. Hàng loạt các cổ phiếu trụ cột bị chốt lời mạnh dù giao dịch khởi sắc trong phiên sáng. Trong khi đó, với nhóm midcap và penny, tín hiệu dòng tiền tham gia vẫn khá tích cực với nhiều mã tốt và thậm chí tăng trần, điển hình có thể kể đến như các nhóm phân bón, cảng biển, bảo hiểm,… Giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài trong phiên hôm nay cũng đáng chú ý khi khối ngoại có phiên bán ròng mạnh thứ 2 liên tiếp.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực chốt lời khá lớn. Không những vậy, chỉ số giảm điểm với nến đỏ và có bóng nến trên cho thấy bên bán đang thắng thế và chỉ số có thể chịu áp lực điều chỉ trong một vài phiên tới, với hỗ trợ gần quanh vùng 1,341 điểm (MA50). Tuy nhiên, chỉ số đang đóng cửa trên MA5, cùng chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong một nhịp điều chỉnh mang tính kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Chỉ số có thể sớm kết thúc nhịp rung lắc để hướng lên thử thách vùng đỉnh cũ quanh 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng giữ được đóng cửa trên vùng đỉnh cũ, cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy phiên giảm có thể chỉ mang tính kỹ thuật và xu hướng chính vẫn là tăng điểm, chỉ số có thể sớm quay trở lại và hướng lên thử thách ngưỡng tâm lý 350 điểm. Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng phục hồi, phiên giảm điểm có thể chỉ mang tính kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng nhịp rung lắc để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Cổ phiếu khuyến nghị: DDG (Mua)

Cổ phiếu quan sát: DRC, MSN, GTN

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DDG	Mua	12/08/21	36.7	36.7	0.0%	39.1	6.5%	35.5	-3.3%	Cổ phiếu trong xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DRC	Quan sát mua	12/08/21	33.4	38	Tín hiệu đảo chiều với cặp nến Bearish Engulfing, vol vẫn cao trên trung bình nhưng thấp hơn phiên trước -> khả năng điều chỉnh kỹ thuật, có thể canh mua khi giá giảm về quanh 32 với áp lực bán yếu đi
2	MSN	Quan sát mua	12/08/21	136.6	160	Hai nến điều chỉnh gần đây không xấu với nến nhỏ, vol thấp -> khả năng chỉ điều chỉnh kỹ thuật, có thể canh mua quanh vùng 128-130
3	GTN	Quan sát mua	12/08/21	18.05	20-20.5	Tín hiệu điều chỉnh về test gap 17.7-18 tích cực với nến nhỏ, vol thấp -> khả năng sớm tăng trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SJS	Mua	16/07/21	65.1	61.8	5.3%	70	13.3%	59	-5%	
2	STB	Mua	30/07/21	30.4	29.3	3.8%	32.6	11.3%	28.3	-3%	
3	HPG	Mua	02/08/21	48.95	47.3	3.5%	53	12%	44.5	-6%	
4	TDC	Nắm giữ	03/08/21	19.8	17.85	10.9%	22.8	28%	17.1	-4%	
5	TV2	Mua	04/08/21	46.9	43.6	7.6%	47	8%	42.1	-3%	
6	VHM	Mua	05/08/21	116	110.5	5.0%	120	9%	107	-3%	
7	GAS	Mua	06/08/21	95.5	93.8	1.8%	104.5	11%	90	-4%	
8	BID	Mua	10/08/21	43.1	43.15	-0.1%	48	11%	41.6	-4%	
9	MWG	Mua	11/08/21	175	173.9	0.6%	200	15%	165.5	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Dự án FDI cấp mới tại Bình Dương giảm hơn 53% so với cùng kỳ 2020

Tính đến 20/7, Bình Dương là địa phương xếp thứ 2 cả nước về thu hút FDI, chỉ sau TP HCM với 3.982 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký hơn 36,8 tỷ USD, theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ kế hoạch & Đầu tư. Tuy vậy, tính riêng 7 tháng năm nay, số dự án FDI được cấp mới giảm hơn 53% so với cùng kỳ năm ngoái, còn 37 dự án. Đáng nói, số dự án điều chỉnh tăng vốn giảm hơn 70%, tương đương 19 dự án được điều chỉnh vốn trong 7 tháng vừa qua, theo Cục Thống kê Bình Dương.

Trong bối cảnh vừa chịu tác động của dịch Covid-19, vừa thực hiện mục tiêu kép, Bình Dương xác định ưu tiên thu hút dự án công nghệ cao, công nghệ sách, ít sử dụng lao động, có giá trị gia tăng cao, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Xem xét điều chỉnh biên độ dao động giá trên Hose lên 10% khi cần thiết

Hiệp hội Tư vấn tài chính Việt Nam (VFCA) vừa có báo cáo đánh giá thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2021-2023. Trong báo cáo này, VFCA đề xuất nâng biên độ dao động giá tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (Hose) từ 7% lên 10% ngay trong năm nay để đáp ứng sự phát triển của thị trường chứng khoán.

Bên cạnh đó, theo Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán quyết định biên độ dao động giá/cơ chế ngắt mạch thị trường sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Căn cứ điều kiện thực tiễn của thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định áp dụng cơ chế ngắt mạch thị trường hoặc cơ chế ngắt mạch thị trường kết hợp với biên độ dao động giá.

Theo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, về đề xuất nâng biên độ từ 7% lên 10%, điều chỉnh biên độ dao động giá là một trong các biện pháp mà cơ quan quản lý sử dụng để kích thích tăng quy mô và thanh khoản cho thị trường, nhằm cân đối cung cầu chứng khoán, tăng tính hấp dẫn cho nhà đầu tư.

Nguồn： NDH，Cafef

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vinamilk chốt quyền tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2021 tỷ lệ 15%

Vinamilk (HoSE: VNM) sẽ chốt danh sách cổ đông để thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền theo tỷ lệ 15% vào 8/9. Cổ tức sẽ được thanh toán vào ngày 30/9.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý II, doanh thu thuần đạt 15.716 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,4% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 2.835 tỷ đồng, giảm 7,7%. Lũy kế nửa đầu năm, doanh nghiệp đầu ngành sữa ghi nhận doanh thu 28.906 tỷ đồng, lợi nhuận ròng 5.411 tỷ đồng; lần lượt giảm 2,5% và 7,3% so với cùng kỳ năm trước. So với kế hoạch năm, Vinamilk thực hiện được 46,6% chỉ tiêu doanh thu và 48% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

Gilimex chốt quyền trả cổ tức năm 2020 bằng cổ tức tỷ lệ 20%

Gilimex (HoSE:GIL) thông báo 19/8 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% . Với 36 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến phát hành 7,2 triệu cổ phiếu mới để trả cổ tức. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng lên 432 tỷ đồng.

Quý II năm nay, công ty cũng tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng 90% lợi nhuận sau thuế lên 148 tỷ đồng, riêng phần lãi thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 115 tỷ đồng, gấp gần 2 lần cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp cho biết lợi nhuận trong quý tăng mạnh nhờ doanh thu tăng và có thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất bán. Doanh thu thuần cả quý đạt 1.258 tỷ đồng, tăng 37%.

Lũy kế 6 tháng, doanh thu tăng 30% đạt 2.122 tỷ đồng; lãi sau thuế 186,1 tỷ đồng, tăng gần 82% so với cùng kỳ năm trước. EPS tăng 18,6% lên 5.383 đồng. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 70,7% chỉ tiêu doanh thu và vượt 3% chỉ tiêu lợi nhuận.

Cảng Đình Vũ đặt mục tiêu lợi nhuận quý III giảm

HĐQT Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (HoSE: DVP) đã thông qua kế hoạch sản lượng quý III đạt 150.000 teu, giảm 8% so với quý II.

Theo đó, doanh thu mục tiêu 150 tỷ đồng, giảm 15,6% và lợi nhuận trước thuế 60 tỷ đồng, giảm 41% so với quý trước. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu tăng 5,6% và lợi nhuận giảm 8,2%.

Nửa đầu năm, doanh nghiệp cảng biển báo cáo doanh thu tăng 26% lên 299 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 56,9% lên 59%. Song doanh thu tài chính giảm mạnh từ 53 tỷ về 15,6 tỷ đồng nên lãi sau thuế giảm 4,3% xuống 133 tỷ đồng.

Nguồn： NDH

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	100,500	1.52%	0.11%
VNM	90,900	1.68%	0.06%
VPB	61,200	1.16%	0.03%
MSB	31,000	3.33%	0.02%
TPB	37,000	2.78%	0.02%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PHP	33,300	9.90%	0.22%
DTK	12,400	9.73%	0.17%
NVB	29,100	3.19%	0.08%
CDN	39,000	9.86%	0.08%
BAB	23,400	1.30%	0.05%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	111,000	-1.77%	-0.13%
GVR	34,100	-2.57%	-0.07%
VHM	116,000	-0.85%	-0.06%
MSN	136,600	-1.37%	-0.04%
HPG	48,950	-0.91%	-0.04%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHB	29,000	-1.69%	-0.22%
VND	50,000	-2.53%	-0.13%
VCS	122,500	-1.69%	-0.08%
DXS	28,400	-2.74%	-0.06%
IDC	35,200	-2.22%	-0.05%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
STB	30,400	-0.65%	26,155,800
KBC	34,400	-3.91%	22,981,500
HPG	48,950	-0.91%	21,895,900
FLC	11,600	1.31%	21,098,700
TCB	52,300	0.00%	20,471,000

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHB	29,000	-1.69%	15,469,094
PVS	26,700	-1.84%	12,306,273
VND	50,000	-2.53%	11,038,689
SHS	45,800	1.33%	8,167,971
KLF	4,300	2.38%	7,138,512

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	48,950	-0.91%	1,079.1
TCB	52,300	0.00%	1,078.7
SSI	57,700	-2.86%	1,039.2
VHM	116,000	-0.85%	962.4
VPB	61,200	1.16%	824.5

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VND	50,000	-2.53%	560.0
SHB	29,000	-1.69%	455.3
SHS	45,800	1.33%	379.7
PVS	26,700	-1.84%	333.8
THD	211,500	0.28%	132.7

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
CVT	13,872,780	554.91
VHM	3,801,100	428.67
FPT	914,900	91.92
PDR	748,202	70.28
ASM	4,410,290	63.51

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VC3	1,270,000	29.31
LHC	20,000	1.60
DL1	7,000	0.04
CAV	60	0.00
MBS	109	0.00

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	24.28	1,200.31	47.10	1,942.12	(22.82)	(741.80)
HNX	1.26	37.53	1.88	60.28	(0.63)	(22.75)
Tổng 2 sàn	**25.54**	**1,237.84**	**48.99**	**2,002.40**	**(23.45)**	**(764.55)**

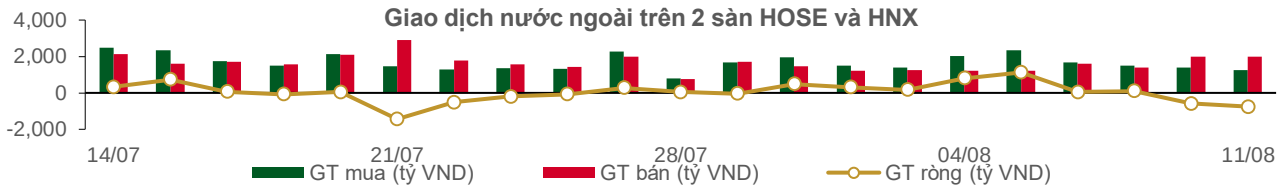

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VHM	116,000	1,904,200	216.47
VNM	90,900	1,311,100	119.50
STB	30,400	3,853,500	118.05
PLX	53,400	1,861,300	100.10
FPT	96,100	914,900	91.92

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
DXS	28,400	432,400	12.41
VCS	122,500	52,600	6.52
PAN	28,900	149,100	4.34
IDJ	16,500	159,000	2.68
NTP	49,400	47,900	2.35

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
SSI	57,700	5,607,900	330.15
FUEVFVND	25,900	10,317,300	268.98
FPT	96,100	917,400	92.16
VCI	55,100	1,562,800	87.74
HPG	48,950	1,699,255	83.67

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VND	50,000	632,313	32.11
PVS	26,700	465,400	12.49
BSI	23,000	230,000	5.35
CDN	39,000	127,000	4.80
NBP	15,000	43,100	0.64

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VHM	116,000	1,735,400	196.85
STB	30,400	3,395,600	104.03
PLX	53,400	1,803,500	97.01
VNM	90,900	462,500	42.62
NLG	42,550	692,000	30.22

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DXS	28,400	432,400	12.41
VCS	122,500	52,300	6.48
PAN	28,900	147,100	4.28
IDJ	16,500	159,000	2.68
NTP	49,400	47,900	2.35

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	57,700	(5,563,400)	(327.54)
FUEVFVND	25,900	(10,096,900)	(263.24)
VCI	55,100	(1,551,800)	(87.12)
VIC	111,000	(645,700)	(72.59)
MBB	29,700	(1,880,300)	(56.57)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VND	50,000	(619,013)	(31.44)
PVS	26,700	(399,700)	(10.72)
BSI	23,000	(224,800)	(5.23)
CDN	39,000	(90,100)	(3.39)
NBP	15,000	(43,100)	(0.64)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	25,100	-0.4%	231,500	5.83
FUEMAV30	17,600	-0.8%	370,100	6.48
FUESSV30	18,710	-4.1%	69,100	1.30
FUESSV50	21,900	-1.4%	17,500	0.38
FUESSVFL	21,980	2.1%	123,000	2.65
FUEVFVND	25,900	-0.7%	10,534,900	274.66
FUEVN100	18,800	0.0%	74,800	1.40
Tổng cộng			**11,420,900**	**292.70**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	5.15	2.09	3.05
FUEMAV30	5.68	6.22	(0.54)
FUESSV30	0.14	1.25	(1.11)
FUESSV50	0.01	0.00	0.01
FUESSVFL	1.10	0.94	0.16
FUEVFVND	5.74	268.98	(263.24)
FUEVN100	0.56	0.94	(0.38)
Tổng cộng	**18.38**	**280.42**	**(262.04)**

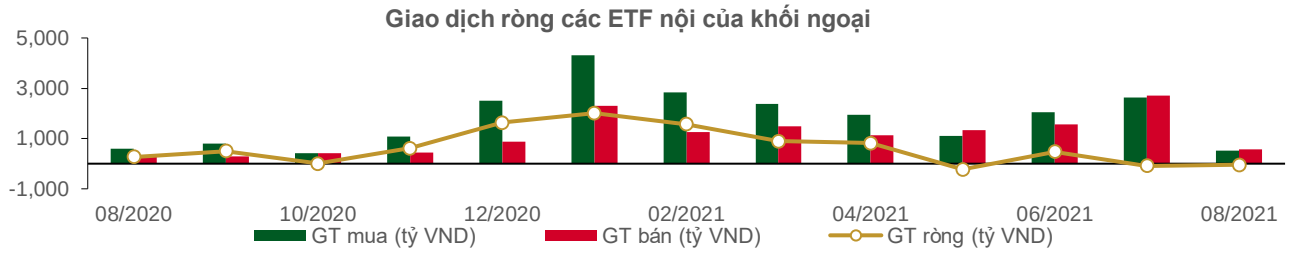

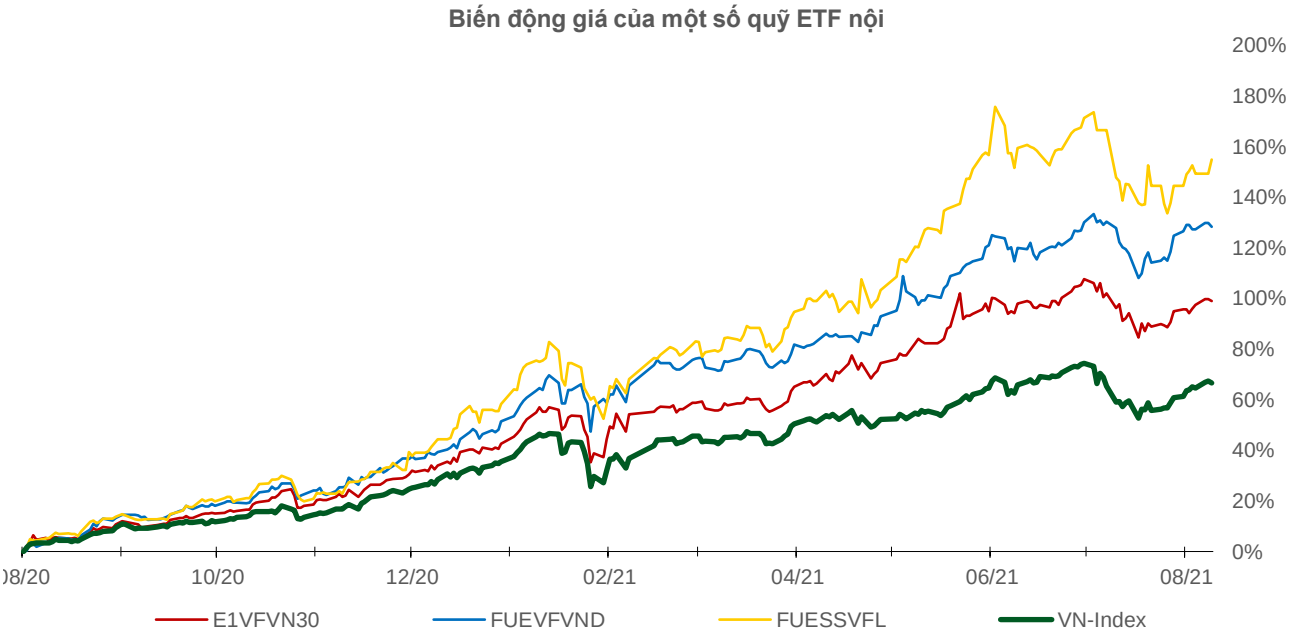

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2102	5,720	-3.1%	7,120	152	96,100	1,731	(3,989)	90,000	5.0	10/01/2022
CFPT2103	3,790	-0.3%	37,120	149	96,100	630	(3,160)	100,000	5.0	07/01/2022
CHDB2101	2,000	-3.9%	5,480	42	35,450	1,127	(873)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	6,160	0.5%	2,380	42	48,950	5,023	(1,137)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2106	8,690	-4.5%	8,850	16	48,950	8,050	(640)	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2109	8,020	-8.9%	3,540	152	48,950	942	(7,078)	55,000	1.0	10/01/2022
CKDH2002	4,400	-6.4%	30,100	5	40,050	4,224	(176)	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	2,900	-8.5%	20,010	42	40,050	2,184	(716)	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	7,000	-4.4%	11,150	2	40,050	6,546	(454)	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2103	3,240	-0.3%	28,580	149	29,700	190	(3,050)	34,810	1.5	07/01/2022
CMSN2101	2,470	-1.2%	9,200	42	136,600	1,904	(566)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	2,020	-2.4%	3,990	42	136,600	1,349	(671)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	8,360	-5.0%	8,180	2	136,600	8,366	6	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2104	6,420	-0.8%	15,840	(142)	175,000	(9)	(6,429)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	5,760	0.2%	20,220	16	175,000	5,453	(307)	131,500	8.0	27/08/2021
CMWG2106	3,290	7.5%	23,210	149	175,000	720	(2,570)	180,000	10.0	07/01/2022
CNVL2101	5,000	-2.5%	2,290	42	103,900	4,035	(965)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	2,050	-10.9%	27,070	47	103,900	808	(1,242)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	2,020	-3.4%	29,940	16	92,900	819	(1,201)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	3,190	-2.2%	14,770	47	92,900	909	(2,281)	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2104	1,800	-1.6%	31,310	149	95,400	147	(1,653)	109,000	8.0	07/01/2022
CSBT2101	1,070	33.8%	8,040	42	20,650	0	(1,070)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	5,400	-3.1%	9,830	42	30,400	4,228	(1,172)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2104	8,300	-0.2%	9,130	16	30,400	7,522	(778)	22,900	1.0	27/08/2021
CSTB2105	7,500	-3.9%	5,270	152	30,400	2,445	(5,055)	30,000	1.0	10/01/2022
CTCB2101	23,550	-1.3%	2,840	55	52,300	21,403	(2,147)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2104	4,250	1.7%	9,850	16	52,300	3,272	(978)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	20	0.0%	66,290	5	19,800	(0)	(20)	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	600	-7.7%	1,760	42	19,800	0	(600)	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	30	50.0%	53,450	2	19,800	0	(30)	25,000	2.0	13/08/2021
CVHM2101	2,200	-8.0%	7,620	42	116,000	587	(1,613)	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2105	1,330	-5.0%	53,480	2	116,000	1,314	(16)	105,500	8.0	13/08/2021
CVIC2101	1,380	-8.0%	6,400	42	111,000	0	(1,380)	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	910	-13.3%	15,550	47	111,000	(0)	(910)	165,900	20.0	27/09/2021
CVIC2104	2,280	-1.3%	19,600	149	111,000	175	(2,105)	124,000	10.0	07/01/2022
CVNM2101	600	0.0%	2,510	42	90,900	(0)	(600)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	700	27.3%	14,550	33	90,900	0	(700)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	560	0.0%	19,860	47	90,900	0	(560)	117,930	19.8	27/09/2021
CVNM2106	3,250	1.6%	5,910	155	90,900	286	(2,964)	100,000	5.0	13/01/2022
CVNM2107	1,800	9.1%	119,050	149	90,900	175	(1,625)	98,000	10.0	07/01/2022
CVPB2104	4,480	4.4%	10,730	16	61,200	4,082	(398)	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2101	670	-2.9%	9,430	42	28,000	0	(670)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2104	40	100.0%	68,330	2	28,000	0	(40)	34,300	2.0	13/08/2021

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK		Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
NLG	(New)	HOSE	42,550	49,500	11/08/2021	1,090	3,175	29,565	12%	7%	15.6	1.7
STK	(New)	HOSE	48,650	45,300	30/07/2021	239	2,835	15,598	18%	12%	16.0	2.9
PNJ	(New)	HOSE	95,400	112,600	29/07/2021	1,411	6,203	27,067	23%	15%	18.2	4.2
TCM	(New)	HOSE	81,100	65,800	28/07/2021	285	4,595	29,994	15%	9%	14.3	2.2
VNM	(New)	HOSE	90,900	118,000	28/07/2021	9,988	4,732	16,254	29%	19%	25.9	7.3
SZC		HOSE	43,400	45,800	26/07/2021	254	2,543	13,930	18%	4%	18.0	3.3
KDC		HOSE	60,800	74,000	23/07/2021	594	2,169	33,140	8%	4%	34.1	2.8
VHC		HOSE	42,000	49,500	22/07/2021	820	4,471	30,346	15%	11%	11.1	1.6
FRT		HOSE	41,500	39,000	21/07/2021	86	1,086	15,486	7%	1%	35.9	2.5
DGW		HOSE	164,000	155,000	19/07/2021	448	10,128	35,337	29%	12%	15.3	4.4
PVI		HNX	41,000	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
VIB		HOSE	41,600	46,400	15/07/2021	5,546	3,571	18,001	2%	24%	13.0	2.6
BMI		HOSE	42,600	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG		HOSE	22,200	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC		HOSE	89,500	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD		HOSE	49,450	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR		HOSE	34,100	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
HPG		HOSE	48,950	64,800	02/07/2021	28,065	1,042	18,845	33%	18%	10.4	3.4
TPB		HOSE	37,000	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDH		HOSE	40,050	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
AAA		HOSE	17,000	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
VRE		HOSE	28,000	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM		HOSE	116,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR		HOSE	53,000	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC		HOSE	34,400	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE		HOSE	56,400	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
ANV		HOSE	29,500	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4
FMC		HOSE	38,600	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9
MPC		UPCOM	37,683	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP		HOSE	70,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG		HOSE	94,200	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
MWG		HOSE	175,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB		HOSE	154,200	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
MSN		HOSE	136,600	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3
NVL		HOSE	103,900	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG		UPCOM	43,238	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB		HOSE	100,500	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB		HOSE	36,000	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB		HOSE	52,300	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG		HOSE	16,800	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP		HOSE	57,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD		HOSE	66,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT		HOSE	96,100	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS		HNX	18,400	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC		HOSE	46,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV		UPCOM	76,818	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX		HOSE	53,400	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT		HOSE	20,650	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS		UPCOM	46,639	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS		HOSE	95,500	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH		HOSE	75,700	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
TNG		HOSE	23,100	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
GIL	HOSE	69,200	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
BSR	UPCOM	20,431	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	18,050	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	52,300	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	83,381	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	11,450	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912